

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng cơ khí chuyên **Ngành** : Cơ khí chuyên dùng **Năm học** : 2010 - 2011 **ĐVHT** : 3
Hệ DT : Cao đẳng **Học Phần** : AutoCad **Học Kỳ** : 1 **Lần** : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3374010005	Nguyễn Thế	Anh	13/02/1991	8	9					8.50	2.55	7.00	4.90	7	
2	3374010008	Võ Chí	Bảo	21/09/1991	9	9					9.00	2.70	4.00	2.80	6	
3	3374010009	Lê Văn	Bảo	20/05/1991	7	10					8.50	2.55	4.00	2.80	5	
4	3374010010	Phạm Xuân	Bảo	09/09/1990	8	10					9.00	2.70	6.00	4.20	7	
5	3374010013	Diệp Nhật	Châu	12/06/1991	8	10					9.00	2.70	8.00	5.60	8	
6	3374010017	Nguyễn Văn	Chiến	10/06/1991	6	9					7.50	2.25	9.00	6.30	9	
7	3374010024	Mai Sỹ	Cương	16/12/1991	7	9					8.00	2.40	6.00	4.20	7	
8	3374010029	Tống Văn	Dũng	10/07/1991	8	9					8.50	2.55	10.00	7.00	10	
9	3374010037	Hoàng Xuân	Đào	27/08/1990	4	5					4.50	1.35	3.00	2.10	3	
10	3374010043	Nguyễn Văn	Hà	25/05/1989	8	10					9.00	2.70	8.00	5.60	8	
11	3374010044	Hà Cung	Hải	20/08/1989	8	8					8.00	2.40	9.00	6.30	9	
12	3374010052	Nguyễn Văn	Hiệu	08/09/1991	9	10					9.50	2.85	8.00	5.60	8	
13	3374010055	Phạm	Hoàng	06/11/1990	6	8					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
14	3374010065	Vũ Ngọc	Khánh	04/05/1991	6	8					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
15	3374010068	Trương Văn	Kiệt	02/02/1991	8	10					9.00	2.70	8.00	5.60	8	
16	3374010069	Nguyễn Tiến	Kỳ	16/02/1990	7	7					7.00	2.10	3.00	2.10	4	
17	3374010070	Hoàng Trọng	Lâm	18/08/1990	10	5					7.50	2.25	8.00	5.60	8	
18	3374010072	Nguyễn Dũng	Liêm	24/02/1991	8	8					8.00	2.40	5.00	3.50	6	
19	3374010075	Nguyễn Văn	Long	11/02/1990	8	10					9.00	2.70	3.00	2.10	5	
20	3374010079	Lâm Kim	Lợi	24/03/1991	8	9					8.50	2.55	3.00	2.10	5	
21	3374010084	Phạm Hoàng	Minh	15/12/1991	9	8					8.50	2.55	7.00	4.90	7	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3374010094	Hà Duy	Nhiên	17/09/1990	6	8					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
23	3374010099	Vương Tuấn	Phát	30/07/1991	7	9					8.00	2.40	7.00	4.90	7	
24	3274010061	Trần Văn	Phú	08/09/1990	7	7					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
25	3374010103	Đoàn Thanh	Phúc	18/08/1991	8	9					8.50	2.55	8.00	5.60	8	
26	3374010105	Nguyễn Văn	Phúc	01/01/1990	8	10					9.00	2.70	9.00	6.30	9	
27	3374010113	Nguyễn Thanh	Quốc	20/07/1991	6	8					7.00	2.10	10.00	7.00	9	
28	3374010115	Trần Thanh	Quyền	02/06/1991	0	5					2.50	0.75	0.00	0.00	1	Học lại
29	3374010119	Phạm Ngọc	Sang	12/02/1991	7	7					7.00	2.10	5.00	3.50	6	
30	3374010120	Hồ Phan Phước	Sanh	26/03/1990	8	6					7.00	2.10	8.00	5.60	8	
31	3374010129	Hà Cao	Tâm	02/01/1990	8	3					5.50	1.65	1.00	0.70	2	
32	3374010131	Lê Thanh	Tâm	27/10/1991	7	8					7.50	2.25	9.00	6.30	9	
33	3374010132	La Minh	Tân	21/04/1989	9	8					8.50	2.55	9.00	6.30	9	
34	3374010142	Nguyễn Văn	Thà	20/07/1991	5	6					5.50	1.65	9.00	6.30	8	
35	3374010145	Võ Trần	Thái	03/10/1990	5	3					4.00	1.20	5.00	3.50	5	Học lại
36	3374010146	Trần Văn	Thảo	19/09/1991	8	8					8.00	2.40	9.00	6.30	9	
37	3374010151	Bùi Tiến	Thịnh	02/04/1991	7	6					6.50	1.95	5.00	3.50	5	Học lại
38	3374010154	Hồ Xuân Hoài	Thương	27/03/1991	9	9					9.00	2.70	8.00	5.60	8	
39	3374010155	Nguyễn Ngọc	Thương	07/03/1991	9	10					9.50	2.85	9.00	6.30	9	
40	3374010156	Vũ Minh	Thương	11/08/1990	8	10					9.00	2.70	7.00	4.90	8	
41	3374010164	Phan Trung	Tín	11/06/1991	5	5					5.00	1.50	3.00	2.10	4	Học lại
42	3374010169	Nguyễn Minh	Triển	08/02/1991	6	8					7.00	2.10	9.00	6.30	8	
43	3374010170	Nguyễn Hữu	Trí	20/10/1991	4	7					5.50	1.65	0.00	0.00	2	
44	3374010173	Ngô Quang	Trực	23/09/1991	5	10					7.50	2.25	6.00	4.20	6	
45	3374010176	Lê Đình	Tuân	15/05/1989	5	7					6.00	1.80	8.00	5.60	7	
46	3374010189	Phan	Vương	28/09/1991	6	7					6.50	1.95	6.00	4.20	6	

Tổng: 46.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	9	19.6
Giỏi	11	23.9
Khá	8	17.4

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	7	15.2
Trung bình	5	10.9
Không đạt	6	13.0
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa